

Nam Dong, ngày tháng 9 năm 2025

Số: /KH-THPTPBC-ND

THÔNG BÁO

Về việc lập danh sách và thu hồ sơ học sinh đề nghị hưởng chế độ
chính của nhà nước, Năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ, về Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban dân tộc, Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ công văn số 744/SGDĐT-KHTC ngày 09/9/2025, V/v rà soát, xác định số lượng học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học kỳ I, năm học 2025-2026 theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP;

Trường THPT Phan Bội Châu – Nam Dong, thông báo việc nộp hồ sơ học sinh hưởng các chế độ chính sách, năm học 2025-2026 như sau:

I. Đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP:

1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ:

Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp sau: ***Người dân tộc thiểu số*** mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; ***Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo*** đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; ***Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo*** theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã **khu vực II, khu vực I** vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. **Mức hỗ trợ:** Được hưởng chính sách đối với học sinh bán trú: theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 6, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng là 936.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí chỗ ở trong trường hoặc học sinh lớp 1, lớp 2, học sinh 2 khuyết tật có nhu cầu tự túc chỗ ở gần trường để người thân chăm sóc thì mỗi tháng được hỗ trợ 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

c) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

II. Đối với chính sách hỗ trợ chi phí học tập:

- Học kỳ II năm học 2024-2025, thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Học kỳ I năm học 2025-2026, thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

1. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập (Căn cứ Điều 17 – NĐ 238/2025)

- Học sinh phổ thông: ***mồ côi cả cha lẫn mẹ.***

- Học sinh phổ thông: ***là người khuyết tật.***

3. Học sinh phổ thông: ***có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo*** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Học sinh phổ thông mà ***bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ***

(trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo **không có cơ sở giáo dục**.

2. Mức hỗ trợ:

Mức 150.000 đồng/học sinh/tháng và được hỗ trợ 09 tháng/năm học.

III. Đối với chính sách học sinh hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo bền vững:

Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông (*Chỉ tính cho học sinh các đơn vị thuộc Đắk Nông cũ*)

- Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh phổ thông: **là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo;**

- Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh **là con của hộ thoát nghèo.**

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách: (Khoản 2 – Điều 1- NQ11)

- Học sinh phổ thông là **người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo;**

- Học sinh là thành viên thuộc **hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký thoát nghèo bền vững.**

2. Chính sách hỗ trợ về giáo dục:

Hỗ trợ mức 150.000 đồng/ học sinh/tháng và cấp 09 tháng /năm học (*Đối tượng học sinh người dân tộc thiểu số hộ cận nghèo*);

Hỗ trợ mức 100.000 đồng/học sinh/tháng và được hỗ trợ 09 tháng/năm học (*Đối tượng học sinh là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký thoát nghèo bền vững*);

IV. Đối với chính sách học sinh khuyết tật.

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính.

V. Đối với chính sách cho học sinh dân tộc thiểu số rất ít người.

Thực hiện theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

VI. Đối với chính sách cho học sinh dân tộc thiểu số rất ít người.

Thực hiện theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

VII. Học sinh nộp hồ sơ nộp đề nghị hưởng các chế độ chính sách gồm:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (*GVCN nhận tại phòng Kế toán hoặc Văn thư*);

2. Học sinh thuộc đối tượng chính sách nào thì nộp giấy tờ đối tượng đó:

- + Bản sao Căn cước/Căn cước công dân;
- + Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo;
- + Bản sao giấy chứng nhận đối tượng học sinh khuyết tật.
- + Giấy xác nhận ở trọ tại hộ gia đình hoặc nhà trọ trường (*của hộ gia đình, thôn trưởng và chính quyền địa phương: Hướng chế độ NĐ 66/2025*);

3. Học sinh nộp về GVCN để tổng hợp nộp về Kế toán hoặc trực tiếp nộp về kế toán nhà trường để kiểm tra, tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

II. Tổ chức thực hiện

- *Đối với lãnh đạo nhà trường:* Xây dựng kế hoạch, triển khai đến giáo viên chủ nhiệm, nhân viên văn phòng và các tổ chức đoàn thể, cha mẹ học sinh, đăng tải thông tin lên trang tin của đơn vị.

- *Đối với Đoàn thanh niên:* Thông báo đến các chi đoàn, trên hệ thống loa phóng thanh để học sinh biết và thực hiện.

- *Đối với Giáo viên chủ nhiệm:* Thông báo cho học sinh và cha mẹ học sinh biết để nộp hồ sơ, lập danh sách và hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chính sách theo (mẫu đính kèm) nộp về phòng Kế toán trước ngày 18/9/2025 để tổng hợp và trình chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nam Dong xác nhận để báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp bổ sung kinh phí năm 2025.

Sau ngày 18/9/2025: Học sinh không nộp hồ sơ thì nếu giáo viên chủ nhiệm thông báo cho cha mẹ học sinh biết số các đối tượng thu hưởng; Sau thời gian trên không nộp về cho Kế toán nhà trường thì coi như học sinh không thuộc các đối tượng được hưởng chế độ trên và nhà trường không chịu trách nhiệm.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có gì vướng mắc xin liên hệ đ/c Nguyễn Thị An, Kế toán qua số điện thoại 0905 505 686 để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Phòng TCCB-TC, SGD&ĐT (*để b/c*);
- Chi bộ, HĐT (*để b/c*);
- BCH Đoàn (*để p/h*);
- Các Phó hiệu trưởng (*để c/đ*);
- GVCN các lớp (*để t/h*);
- Thông báo trên Web side;
- Lưu KT, VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Vương Xuân Trung